

KINH TẾ - XÃ HỘI

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SỬ DỤNG VỐN FDI TẠI VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 2010- 2017 TRÊN KHÍA CẠNH KINH TẾ**
EVALUATING THE ECONOMIC RESULTS OF USING FDI IN VIETNAM
DURING THE PERIOD OF 2010-2017

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG*Khoa Kinh tế, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam**Email liên hệ: thuhuongnt0310@gmail.com***Tóm tắt**

Trong những năm qua lượng vốn FDI vào Việt Nam liên tục tăng. Bên cạnh việc sử dụng phương pháp nghiên cứu thống kê, tổng hợp, bài viết vận dụng một số chỉ tiêu đánh giá kết quả kinh tế trong việc sử dụng vốn FDI để tính toán, đánh giá kết quả kinh tế trong việc sử dụng vốn FDI của Việt Nam giai đoạn 2010-2017 nhằm làm sáng tỏ vai trò của vốn FDI đối với Việt Nam trên khía cạnh về kinh tế.

Từ khóa: FDI, kết quả sử dụng vốn, Việt Nam.

Abstract

During recent years, FDI of Vietnam has increasingly grown. The article uses not only statistical research methodology but also a number of indicators to calculate and evaluate the economic results of using FDI in Vietnam from 2010 to 2017. Basing on these analyses, the article reveals the influence of FDI upon Vietnam economic.

Keywords: FDI, the sing of using capital, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Theo Cục Đầu tư nước ngoài- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong những năm qua, lượng vốn FDI vào Việt Nam liên tục tăng. Tính đến hết tháng 8/2018, Việt Nam có trên 2.6000 dự án FDI còn hiệu lực, khoảng 334 tỷ USD vốn đăng ký và tổng vốn thực hiện khoảng 184 tỷ USD. Đối với Việt Nam thì việc thu hút vốn FDI đã mang lại những lợi ích đáng kể cho nền kinh tế như: góp phần hình thành và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất; cung cấp việc làm cho người lao động; mở rộng cơ cấu hàng hóa và cơ cấu thị trường; mở rộng quan hệ đối ngoại,... Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn vốn FDI đã thực sự kết quả hay chưa vẫn còn là một vấn đề được nhiều người tranh cãi.

Tại Việt Nam cũng đã có nhiều nghiên cứu về FDI. Tiêu biểu như, nghiên cứu “Mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, đầu tư trong nước và tăng trưởng kinh tế” được thực hiện bởi hai tác giả Nguyễn Thị Liên Hoa và Lê Nguyễn Quỳnh Phương vào năm 2014 đã đưa ra kết luận cho giai đoạn 1988-2012, đó là trong ngắn hạn việc sử dụng vốn FDI có vai trò thúc đẩy đầu tư trong nước và tăng trưởng GDP tại Việt Nam; tương tự, nghiên cứu “Tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam” do Nguyễn Thị Tuệ Anh và các cộng sự thực hiện năm 2006 đã sử dụng mô hình để đánh giá tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam và rút ra kết luận là FDI có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam; hay nghiên cứu “Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập” do Phạm Văn Hùng và Lê Trọng Nghĩa thực hiện năm 2016 bằng phương pháp định tính đã chỉ ra rằng việc thu hút FDI vừa có tác động tích cực, vừa có tác động tiêu cực đến nền kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu nào nghiên cứu kết quả sử dụng vốn FDI thông qua việc vận dụng một hệ thống các chỉ tiêu cụ thể.

Ngô Doãn Vịnh và các cộng sự (2012) đã đưa ra một hệ thống các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả kinh tế của việc sử dụng FDI, bao gồm: chỉ tiêu về năng suất lao động, đóng góp của khu vực FDI vào GDP, nộp ngân sách/vốn đầu tư, hiệu suất sử dụng vốn, hiệu suất sử dụng đất của khu vực FDI, hiệu suất sử dụng điện năng của khu vực FDI. Nguyễn Bạch Nguyệt và Từ Quang Phương (2007) đưa ra các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả kinh tế của hoạt động đầu tư của toàn bộ nền kinh tế nói chung, bao gồm: mức tăng của giá trị sản xuất so với vốn đầu tư thực hiện, mức tăng GDP so với vốn đầu tư thực hiện, mức đóng góp cho ngân sách nhà nước, mức tăng kim ngạch xuất khẩu, mức tăng thu ngoại tệ. Vũ Chí Lộc (2012) cũng sử dụng một số chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án FDI như: đóng góp của khu vực FDI vào GDP, nộp ngân sách/vốn đầu tư, chỉ tiêu nhân tố tổng hợp, đóng góp vào xuất/nhập khẩu. Trên cơ sở các số liệu thu thập được, bài báo sử dụng các chỉ tiêu: Mức độ đóng góp của khu vực FDI vào tổng thu nhập quốc nội, đóng góp của khu

vực FDI vào ngân sách nhà nước, chỉ số NNSNN/Vốn đầu tư khu vực FDI và đóng góp của khu vực FDI vào xuất khẩu để làm sáng tỏ vai trò của vốn FDI đối với Việt Nam trên khía cạnh về kinh tế.

2. Kết quả kinh tế của việc sử dụng vốn FDI tại Việt Nam

Bổ sung nguồn vốn cho nền kinh tế

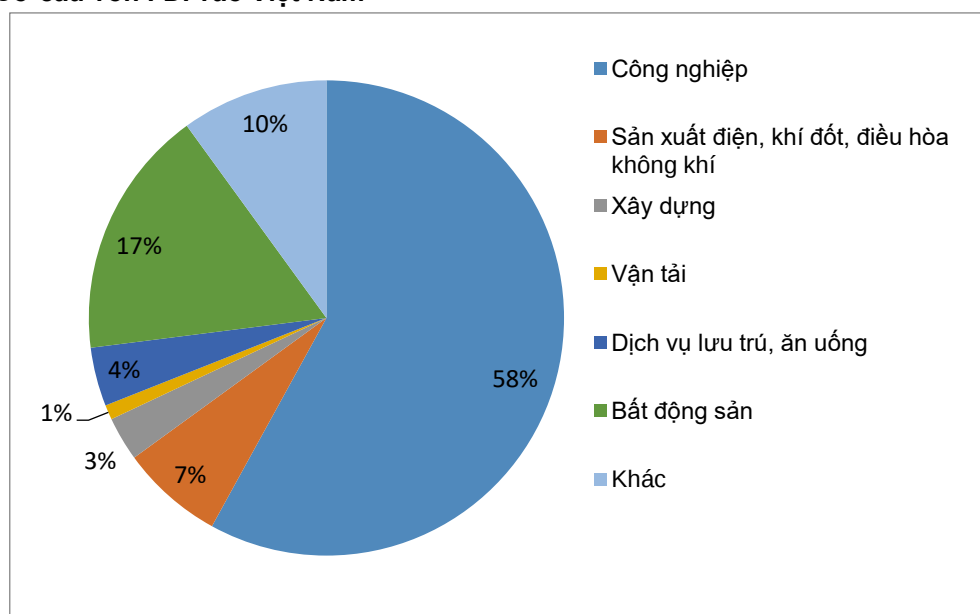
Nguồn vốn FDI là một trong những nguồn bổ sung vốn quan trọng cho nền kinh tế, cụ thể như sau:

Bảng 1. Vốn đầu tư của cả nước phân theo khu vực kinh tế kinh tế [6]

Năm	Kinh tế nhà nước (%)	Kinh tế ngoài nhà nước (%)	Khu vực FDI (%)
2010	38,1	36,1	25,8
2011	37,0	38,5	24,5
2012	40,3	38,1	21,6
2013	40,4	37,7	21,9
2014	39,9	38,4	21,7
2015	38,0	38,7	23,3
2016	37,5	38,9	23,6
2017	35,7	40,6	23,7

Tính đến hết tháng 8/2018, Việt Nam có trên 26.000 dự án FDI còn hiệu lực, với khoảng 334 tỷ USD vốn đăng ký và tổng vốn thực hiện khoảng 184 tỷ USD. Đây là một nguồn cung cấp vốn đáng kể cho phát triển kinh tế Việt Nam. Bảng số liệu trên cho thấy trong suốt giai đoạn nghiên cứu từ năm 2010 đến năm 2017 mặc dù tỷ trọng vốn của khu vực FDI/vốn đầu tư toàn xã hội có sự biến động không đều qua các năm nhưng nhìn chung không có năm nào dưới 21%. Điều này một lần nữa khẳng định vai trò của FDI trong việc cung cấp vốn cho nền kinh tế.

Cơ cấu vốn FDI vào Việt Nam



Hình 1. Vốn FDI vào Việt Nam lũy kế theo ngành kinh tế đến hết ngày 31/12/2017 [6]

Theo Tổng cục Thống kê (2018), tính đến hết năm 2017 đã có hơn 182 tỷ USD vốn FDI đầu tư vào hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của Việt Nam, trong đó ngành công nghiệp là ngành thu hút được nhiều vốn nhất, chiếm 58% tổng số vốn đầu tư, tiếp theo đó là các ngành kinh doanh bất động sản, sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, điều hòa không khí, dịch vụ lưu trú và ăn uống,... Đây là xu thế chung của các nhà đầu tư khi đầu tư vào Việt Nam bởi công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực gặp ít rủi ro, lại tận dụng được nguồn nhân công và năng lượng giá rẻ, hơn nữa, chính phủ Việt Nam rất ưu ái dành nhiều chính sách cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, tiêu biểu như những ưu đãi về thuế, về điều kiện thuê đất đai cho các doanh nghiệp FDI đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế.

Mức độ đóng góp của khu vực FDI vào tổng thu nhập quốc nội

Nguồn vốn FDI đã có nhiều đóng góp vào tổng thu nhập quốc nội của Việt Nam nói chung số liệu cụ thể như sau:

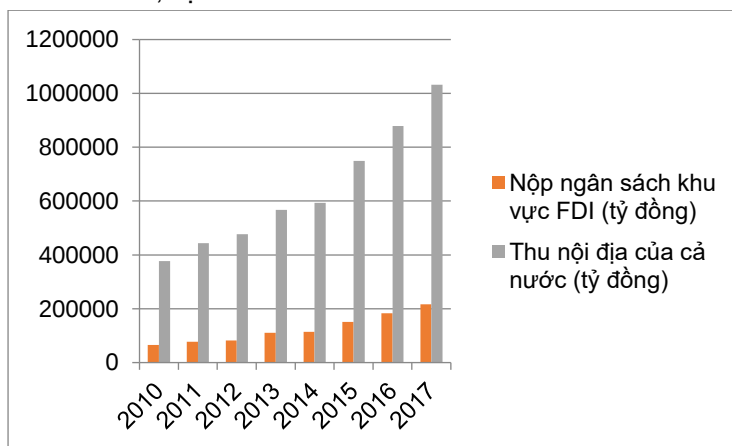
Bảng 2. Đóng góp của khu vực FDI trong GDP của Việt Nam giai đoạn 2010-2017 [6]

Năm	GDP khu vực FDI (Tỷ đồng)	GDP cả nước (Tỷ đồng)	Tỷ lệ trong GDP (%)
2010	326.967	2.157.828	15,15
2011	435.392	2.779.880	15,66
2012	520.410	3.245.419	16,04
2013	622.421	3.584.262	17,37
2014	704.341	3.937.856	17,89
2015	757.550	4.192.862	18,07
2016	837.093	4.502.733	18,59
2017	982.678	5.005.975	19,63

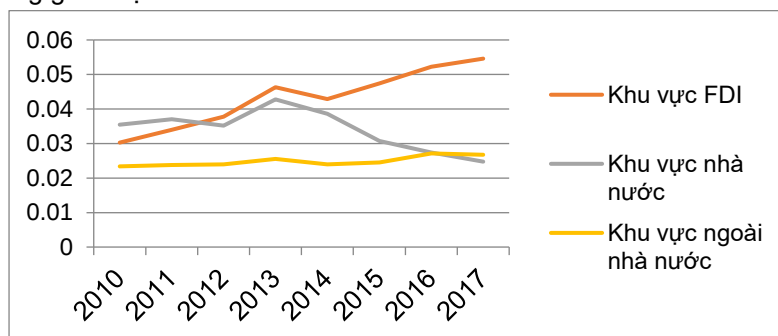
Từ bảng số liệu trên có thể thấy đóng góp của khu vực FDI trong GDP của cả nước có xu hướng tăng trong giai đoạn 2010-2017 với mức đóng góp bình quân là 17,3%/năm. Đặc biệt, trong ngành công nghiệp, từ năm 2010 trở lại đây, khu vực FDI đã đóng góp quanh mức 50% giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước (Tổng cục Thống kê, 2018).

Đóng góp của khu vực FDI vào ngân sách nhà nước

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài của Việt Nam đã và đang có những đóng góp đáng kể cho ngân sách của cả nước, cụ thể như sau:

**Hình 2. Đóng góp của khu vực FDI trong thu nội địa của Việt Nam giai đoạn 2010-2017 [6]**

Nhìn chung, từ năm 2010 đến 2017, đóng góp của khu vực FDI vào nguồn thu nội địa của Việt Nam liên tục tăng không chỉ về giá trị tuyệt đối mà còn tăng trong tỷ trọng trong tổng thu nội địa của cả nước. Cụ thể nếu như năm 2010, khu vực FDI chỉ đóng góp khoảng 17% trong thu nội địa của cả nước thì đến năm 2017 con số đã lên tới trên 20%. Như vậy có thể thấy việc sử dụng vốn FDI đã có kết quả tích cực đối với việc đóng góp vào nguồn thu ngân sách nhà nước. Điều này một lần nữa được khẳng định lại thông qua chỉ số Nộp ngân sách nhà nước/ vốn đầu tư khu vực FDI của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2017:



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2018) và tính toán của tác giả

Hình 3. Chỉ số NNSNN/Vốn đầu tư khu vực FDI của Việt Nam giai đoạn 2010-2017

Từ hình trên có thể thấy, trong suốt giai đoạn nghiên cứu thì chỉ số nộp ngân sách nhà nước/ vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước có nhiều biến động và có xu thế chung là giảm từ năm 2010 đến năm 2017, khu vực kinh tế ngoài nhà nước chỉ có một sự tăng nhẹ. Trong khi đó, khu vực

FDI lại cho thấy một xu hướng tăng nhanh trong suốt giai đoạn 2010- 2017 và chỉ số này cao hơn hẳn so với hai khu vực kia. Từ đó có thể thấy, với một đồng vốn đầu tư bỏ ra thì khu vực FDI là khu vực hiệu quả nhất trong việc đóng góp vào ngân sách nhà nước.

Đóng góp của khu vực FDI vào xuất khẩu

Những dự án FDI tại Việt Nam đã có nhiều đóng góp vào xuất khẩu của cả nước, cụ thể như sau:

Bảng 3. Tỷ trọng xuất khẩu khu vực FDI/ xuất khẩu cả nước và cán cân thương mại khu vực FDI giai đoạn 2010-2017 của Việt Nam

Năm	Xuất khẩu khu vực FDI (Tỷ USD)	Xuất khẩu cả nước FDI (Tỷ USD)	XK khu vực FDI/ XK cả nước (%)	Cán cân thương mại khu vực FDI (Tỷ USD)
2010	34,13	72,24	47,25	-2,84
2011	47,87	96,91	49,40	-0,97
2012	64,04	114,53	55,92	4,1
2013	80,92	132,03	61,29	6,48
2014	93,96	150,22	62,55	9,75
2015	110,56	162,02	68,24	13,33
2016	123,87	176,58	70,15	21,43
2017	152,55	215,12	70,91	24,71

Nguồn: Tổng cục Hải quan (2018) và tính toán của tác giả

Bảng số liệu trên cho thấy trong giai đoạn 2010-2017, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam nói chung chuyển biến theo chiều hướng tốt với tốc độ tăng trung bình đạt khoảng 15%/năm và lần đầu tiên đạt kim ngạch xuất khẩu ở mức vượt ngưỡng 200 tỷ USD vào năm 2017. Trong đó, khu vực FDI đã có những đóng góp rất lớn. Cụ thể, nếu như năm 2010, khu vực FDI chỉ chiếm chưa đến 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước thì con số đó đã lên đến trên 70% vào năm 2017 và cán cân thương mại của khu vực FDI đang biến chuyển theo chiều hướng tích cực. Điều này có thể được lý giải là do định hướng thu hút FDI của Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là hướng mạnh về xuất khẩu nên tính đến hết năm 2017 trong số các doanh nghiệp được cấp phép thì có trên 50% dự án FDI còn hiệu lực có tạo ra sản phẩm xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp có quy mô đầu tư lớn, 100% sản phẩm xuất khẩu như Robotech, Nipro Pharma, Bridgestone,... Đặc biệt, khu vực FDI vẫn là khu vực chủ đạo trong việc sản xuất một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, điển hình như mặt hàng điện tử. Theo Tổng cục Thống kê năm 2017 [6], công nghiệp điện tử đã đóng góp khoảng 33% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với các nhà đầu tư chính là Hàn Quốc, Singapore và Nhật cùng với các nhãn hàng nổi tiếng như Samsung, LG, Panasonic,... Trong đó, khu vực FDI chiếm trên 95% kim ngạch xuất khẩu của điện tử Việt Nam. Như vậy, có thể thấy việc sử dụng vốn FDI trong lĩnh vực sản xuất đã mang lại cho xuất khẩu của Việt Nam kết quả tốt. Tuy nhiên, điều đó cũng thể hiện thay vì phát triển khối doanh nghiệp trong nước, Việt Nam đang ngày càng phụ thuộc vào khối doanh nghiệp FDI để phát triển xuất khẩu. Điều này có thể dẫn đến rủi ro cho xuất khẩu của Việt Nam bởi xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI chịu sự chi phối bởi chuỗi cung ứng toàn cầu. Nếu có biến động xảy ra với những chuỗi giá trị này thì xuất khẩu của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng trầm trọng.

3. Kết luận

Trong những năm qua việc thu hút và sử dụng vốn FDI tại Việt Nam đã theo đúng định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và khu vực FDI đã giữ một vai trò quan trọng trong việc bổ sung vốn cho nền kinh tế. Bằng việc vận dụng các chỉ tiêu: Mức độ đóng góp của khu vực FDI vào tổng thu nhập quốc nội, đóng góp của khu vực FDI vào ngân sách nhà nước, chỉ số NNSNN/Vốn đầu tư khu vực FDI và đóng góp của khu vực FDI vào xuất khẩu, bài viết đã cho thấy kết quả của việc sử dụng nguồn vốn FDI đối với kinh tế của Việt Nam được thể hiện rõ thông qua các khía cạnh như: góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, tăng thu cho ngân sách nhà nước, thúc đẩy xuất khẩu. Tuy nhiên, việc phụ thuộc lớn vào nguồn vốn FDI để phát triển kinh tế nói chung và phát triển xuất khẩu nói riêng có thể đặt Việt Nam vào tình thế bị động trước những biến động của nền kinh tế toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ngô Doãn Vịnh và các cộng sự, *Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá kết quả đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam*, Đề án cấp bộ, Học viện Chính sách và Phát triển, 2012.
- [2] Nguyễn Bạch Nguyệt và Từ Quang Phương, *giáo trình Kinh tế đầu tư*, NXB ĐH KTQD, 2007.
- [3] Nguyễn Thị Liên Hoa và Lê Nguyễn Quỳnh Phương, *Mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, đầu tư trong nước và tăng trưởng kinh tế*, Tạp chí Tài chính, số tháng 4/2014.

- [4] Phạm Văn Hùng và Lê Trọng Nghĩa, *Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 228 (II), 06/2016.
- [5] Tổng cục Hải quan, *Niên giám thống kê Hải quan về hàng hóa XNK Việt Nam*, NXB Tài chính, 2018.
- [6] Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2017*, NXB Thống kê, 2018.
- [7] Vũ Chí Lộc, *giáo trình Đầu tư quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
- [8] Nguyễn Thị Tuệ Anh và các cộng sự, *Tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam*, Dự án Sida, 2006.
http://www.ciem.org.vn/Portals/0/CIEM/BaoCaoKhoaHoc/2005/RRFDITang_truong_KTvietnamese_233.pdf, ngày truy cập: 20/10/2018.

Ngày nhận bài: 11/10/2018
Ngày nhận bản sửa: 12/12/2018
Ngày duyệt đăng: 25/12/2018